

Phẩm Thứ 9: THỌ HỌC VÔ HỌC NHÂN KÝ

Nghiên cứu Chân đoạn Hoặc, gọi là “Học”. Chân đến tột cùng, Hoặc đoạn trừ hết, gọi là “Vô học”. Nghiên cứu tu chân lý, hâm mộ cầu tri kiến thù thắng gọi là “Học”. Học vị tại ba quả, bốn hướng chân vô lậu tuệ. Quả A-la-hán thì nghiên cứu lý đã cùng, Thắng kiến đã rốt ráo, không còn học nữa nên gọi là “Vô học”. Căn cứ giáo giải thích tên phẩm: Phân tích pháp, nghiên cứu Chân, gọi là Hoặc tận, Chân cùng, thì gọi là “Vô học”. Đây là ý của Tam tạng giáo. Lĩnh hội pháp, nghiên cứu Chân, gọi là “Học”. Không có Chân không có Hoặc, gọi là “Vô học”. Đây là ý của Thông giáo. Nghiên cứu từ cạn đến sâu, gọi là “Học”, thông biệt Hoặc tận, Quyền Thật lý cùng, gọi là “Vô học”. Đây là ý Biệt giáo. Nghiên cứu cùng tận Như Lai tạng hữu học vô học, pháp tánh thật tướng phi học phi vô học, mà học mà vô học v.v... Chính hai ngàn người này, hoặc là người học, hoặc là người vô học, đồng là một hạng, một thời thọ ký đồng một danh hiệu, cho nên riêng làm một phẩm. Phẩm này là đoạn thứ hai trong văn Thọ ký.

Văn phẩm này chia làm hai: 1. Thỉnh ký. 2. Thọ ký. Trong thỉnh ký lại có hai: 1. Hai người thỉnh. 2. Hai ngàn người thỉnh. Hai người thỉnh ký lại có hai: 1. Im lặng suy nghĩ. 2. Phát lời thỉnh ký. Phát lời thỉnh ký lại có hai: 1. Dẫn theo lệ cũng nên có phân chia. 2. Dẫn vọng. Hai người rất thân là đối tượng mà chúng trong pháp hội bấy giờ hướng về. La-vân là con của đức Phật khi còn ở đời rất thân trọng, A-nan hộ trì pháp tạng trong đạo rất thân nhiều, hai người rất thân, trọng mà không được biệt ký, thì chúng không đủ để trông mong.

Hỏi: Hoặc trọng hoặc thân hơn lẽ ra đồng bậc thượng, vì sao lại ở đây? Nếu như nêu số chúng hai người ở trong số đứng đầu được thọ ký sao lại ở dưới?

Đáp: Tổng cùng một ngàn hai trăm người được thọ ký, hai người đã đồng hạng ở trên, nay lại thọ ký riêng thôi.

Hai ngàn người thỉnh ký chỉ có mặc niệm dẫn theo lệ, hai ý đồng cho nên nói như sở nguyện của A-nan. Không phát ngôn: Là các việc không trọng không thắng... Thọ ký lại có hai: Trước thọ ký hai người, sau thọ ký hai ngàn người. Trong phần A-nan được thọ ký lại có năm: 1. Trường hàng. 2. Kê tụng. 3. Tám ngàn Bồ-tát sinh nghi. 4. Như Lai phát tích giải thích nghi. 5. A-nan hiển bản thuật tán thán.

Nghi: Chung nghi Thanh văn ngày nay phát tâm liền nhờ Phật thọ ký ở nước thanh tịnh như đây. Trước trong Phương Đẳng thọ ký các

Bồ-tát, trải qua vô lượng kiếp tu hành mới được Phật thọ ký, đức Phật liền phát tích giải thích nghi. Ngày xưa cùng ta đồng phát đại tâm, tức là đồng học, do ta tinh tấn nên siêu vượt trước làm Phật, còn kia thì đa văn nên hộ trì kinh, Tích môn thì làm thị giả (A-nan), Bản địa thì như đây. Nay thọ diệu ký, sao đủ để nghi? Thọ ký các vị khác, thấy đều như vậy.

Phẩm Thứ 10: **PHÁP SƯ**

Phẩm này có năm hạng Pháp sư: 1. Thọ trì. 2. Đọc. 3. Tụng. 4. Giải thuyết. 5. Thư tả (sao chép). Trong Đại luận nêu sáu hạng pháp sư,

Tín lực cho nên “Thọ”, Niệm lực cho nên “Trì”, xem văn là “Đọc”, không quên là “Tụng”, tuyên truyền là “Thuyết”, kinh sách thánh nhân khó hiểu cần phải “Giải thích”. Sáu hạng Pháp sư, kinh này hợp Thọ trì làm một, hợp Giải thuyết làm một, chia Đọc tụng làm hai, và Sao chép, tổng cộng là năm. Nói theo Biệt giáo thì: bốn người tự hành, một người hóa tha. Đại kinh phân ra chín hạng: bốn người trước không giải thích, là địa vị đệ tử, năm người sau có giải thích là địa vị Thầy. Nói theo Thông giáo thì: Nếu tự tuân theo hành năm pháp, thì pháp thì là Pháp sư tự hành. Nếu dạy người khác năm pháp, thì là Pháp sư hóa tha. Tự mình tuân theo hành, thì Thông giáo gọi là đệ tử. Hóa tha, thì Thông giáo gọi là Pháp sư. Nay theo nghĩa của Thông giáo, cho nên gọi là Phẩm Pháp Sư. Nếu giảm số mà nói, thì tóm lược năm làm bốn, tức Bốn An lạc hạnh như sau nói. Nếu tóm lược bốn làm ba, thì “thọ” thì là ý nghiệp, “đọc, tụng, thuyết” là khẩu nghiệp, “Sao chép” là thân nghiệp. Nếu theo Biệt giáo thì khẩu nghiệp là hóa tha, thân ý nghiệp là tự hành. Theo Thông giáo thì: ba nghiệp tự tuân theo, tức là Pháp sư tự hành; ba nghiệp dạy bảo, tức là Pháp sư hóa tha; cho nên nói “Phẩm Pháp Sư”.

Lại, chính tam môn hành năm pháp này: Chỉ có tự huân tu, tức là Phước đức môn. Hoằng tuyên năm pháp, rộng làm lợi ích, tức là Hóa tha môn. Tự tu làm lợi ích chúng sinh, đều thuận với Phật giáo, tức là Báo ân môn. Nói theo Biệt giáo thì: Tự tu báo ân gọi là tự hành, lợi ích chúng sinh tức hóa tha. Nói theo Thông giáo thì: Tự tuân theo, khiến người khác tuân theo đều gọi là Pháp sư, cho nên nói Phẩm Pháp Sư. Lại, đọc tụng sao chép là hành ở ngoài, tức áo Như Lai. Thọ trì là hành ở trong, tức tòa Như Lai. Giải thuyết làm lợi ích cho người khác là nhà Như Lai. Nói theo Biệt giáo, thì Nhà Như Lai là làm thầy của người khác. Áo, tòa Như Lai là làm thầy của chính mình. Nếu nói theo Thông giáo thì không như vậy. Từ bi che chở chúng sinh, trí tuệ sắc bén trở về mình gọi là nhà Như Lai. Ngăn ngừa ác kia, che chắn khiến mình không xấu hổ, gọi là áo Như Lai. Tự mình đã an tâm nơi Không thì mới có thể an tâm người khác; an người an mình gọi là tòa Như Lai. Đây là tự tuân theo ba pháp, cũng gọi là Pháp sư. Muốn làm lợi ích chúng sinh thì phải dùng tâm từ bi để vào nhà Như Lai làm đầu tiên, trải qua sự nhẫn nhục làm nền tảng, cứu giúp người, dùng quên bản ngã làm gốc, năng hành

ba pháp tuyên thông giáo pháp Đại thừa, tức là thế gian y chỉ, cho nên gọi là Pháp sư. Lại, tóm lược làm hai, nghĩa là : Tự hành và hóa tha, đây thì dễ hiểu không kể ra. Lại, tóm lược làm một, nghĩa là Như Lai hành đầy đủ tất cả hạnh. Bi tâm cứu hết thủy khổ, nghĩa là các thứ khổ của bốn đường, ba cõi, Nhị thừa, Bồ-tát v.v... Từ tâm ban tất cả vui, nghĩa là các thứ vui của nhân, thiên, Niết-bàn, thường trú v.v... Áo nhu hòa ngăn tất cả xấu ác, là ngăn tứ trụ vô tri vô minh... xấu ác. Tòa “Không”: quên tất cả tướng, nghĩa là hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng phi vô tướng, đây là ý của Thông giáo. Ý của Biệt giáo: “Từ bi” sinh tất cả thiện, “nhu hòa” ngăn tất cả ác, Tòa Không làm hết sạch tất cả tướng. Lại, Từ và Nhẫn lập tất cả phước đức. Tòa “Không” thành tựu tất cả trí tuệ. Trí tuệ là mất, gọi là ngũ nhãn, phước đức thì đủ cái gọi là Lục độ. Lại, từ bi thắng tất cả Thanh văn Duyên giác, nhu hòa thắng hết thủy phàm phu ngoại đạo. Tòa “Không” thắng Bồ-tát Tích, Thế, thiên v.v... cho nên Kinh Tịnh Danh nói : “Ví như thắng oán thì mới có thể gọi là dừng cảm”. Lại, Từ bi phá thiên ma, nhu hòa phá ám ma, tòa “Không” phá phiền não, tử ma. Kinh Đại Phẩm nói: “Hóa tất cả chúng sinh, quán hết thủy là Không, thì ma không thể hại...” Lại, Từ bi và Nhẫn nhục cho nên năng vấn, “Không” tòa cho nên năng đáp, đủ hai thứ trang nghiêm. Lại, quán Không cho nên năng vấn. Từ và Nhẫn cho nên năng đáp. Từ và Nhẫn cho nên năng gieo trồng, năng lập, năng nuôi dưỡng. Không tuệ cho nên năng nhỏ, năng phá, năng dẫn dắt. Lại, Từ bi cho nên đâu có ngăn cách, nhu hòa cho nên đâu có chướng ngại, tòa “Không” cho nên đâu có tranh luận. Vượt xuất tam đế, cho nên gọi là Thắng Tràng. Bao hàm phổ nhiếp, gọi là Ma-ha-diễn. Vì chính Như Lai hành, cho nên nói là Tam-muội vương. Kinh dạy: “Tất cả thiện pháp thì Từ làm căn bản, Nhẫn nhục là đệ nhất đạo vô tướng tối thượng”. Nếu luận về hành theo Viên giáo, thì nói không thể hết..

Hỏi: Vì sao dựa theo ba pháp, để nêu Pháp sư ?

Đáp: Theo sự mà luận thì ắt phải lên nhà, chỉnh y phục, ngồi tòa mới có thể rộng diễn bày, cho nên dựa vào ba pháp.

Lại, sự lý hợp luận: Mê hoặc thì không ngoài ba thứ: 1. Dựa vào khổ quả khởi Hoặc. 2. Dựa vào kết nghiệp khởi Hoặc. 3. Dựa vào đế lý khởi Hoặc. Cho nên dùng ba môn mà khai thị dẫn dắt. Lại, theo lý: Do mê chân mà đoạ vào khổ, cho nên dùng Từ bi môn. Do mê thế tục mà chìm đắm trong Không, thọ lạc, cho nên dùng Hòa nhẫn môn. Do ở trong mê mà thành chướng trí, cho nên dùng Không môn..

Pháp là phép tắc, Sư là bậc thầy giáo huấn. Pháp tuy có thể làm

phép tắc qui chế, mà không thể tự nó mở rộng; lưu thông là do người. Năm cách để lưu thông kinh điển, mở rộng Phật pháp đều được gọi là “Sư”. Nêu pháp thành tựu tự hành, đều lấy diệu pháp làm thầy (Sư). Sư đối với diệu pháp, tự hành thành tựu, cho nên gọi “Pháp Sư”. Lại, năm hạng người có thể dùng diệu pháp làm bậc thầy huấn dạy người khác, cho nên nêu pháp coi là Sư, nên gọi là Phẩm Pháp Sư. Hoặc là tự mình tuân theo pháp, hoặc là pháp là bậc thầy dạy người khác, đều gọi là Pháp sư; thì đây là giải thích tên phẩm theo nghĩa Nhân duyên. Phẩm có nhiều cách giải thích, đều căn cứ pháp môn Viên giáo mà giải thích tên phẩm.

Ba vòng trước là Chánh thuyết, Lãnh giải, Thọ ký của Tích môn đã xong. Từ đây trở xuống năm phẩm là phần Lưu thông của Tích môn. Chẳng những làm lợi ích cho đương thời mà còn muốn phổ biến thấm nhuần cho đời sau, cho nên nói năm phẩm Lưu thông. Hai phẩm Pháp Sư và Bảo Tháp, hoằng kinh công sâu phước nặng, lưu thông thì chưa truyền ra Đại thừa lợi ích to lớn. Một phẩm Đề-bà-đạt-đa dẫn việc trước: hoằng kinh ta người đều lợi ích, để chứng minh công đức sâu nặng. Phẩm Trì nêu tám vạn đại sĩ do sức nhẫn mà thành tựu, ở cõi này hoằng kinh, mới được thọ ký ở cõi khác hoằng kinh. Một phẩm An Lạc Hạnh, người xưa nói: “Lưu thông tiếp dẫn người thoái lui”. Có lẽ nên như vậy, chưa hẳn hoàn toàn như thế. Bồ-tát Thập tín (ngoại phạm) sơ tâm ưa thích phước thù thắng này, thấy Thanh văn sợ hãi, nghe Bồ-tát nhẫn nhục ruộng bỏ tất cả, ngoài nhìn lại mình sức yếu đuối không làm lợi ích gì được cho mình và người khác, liền sinh thoái lui, đức Phật vì hạng người này thuyết hạnh an lạc, y pháp hoằng truyền không lo nguy khổ. Lại, phẩm Pháp Sư đức Thích Tôn tự thuyết công phước hoằng kinh, bảo xem phần lưu thông. Phẩm Bảo Tháp thì Đa Bảo phân thân vừa chứng minh vừa trợ khuyến xem phần lưu thông. Phẩm Pháp Sư phần văn trường hàng kệ tụng đầu: khen ngợi năm loại Pháp sư và người năng trì pháp, phần trường hàng kệ tụng sau: tán thán pháp sở trì.

Lại chỉ bày phép tắc lưu thông kinh, lại có hai: 1. Theo đạo là đệ tử môn, công sâu phước nặng. 2. Truyền đạo là Sư môn, công sâu phước nặng.

Phần Đệ tử môn lại có hai: 1. Đệ tử lúc Phật còn tại thế. 2. Đệ tử sau khi Phật diệt độ.

Đây là phần một của Đệ tử môn. “Nhân Bồ-tát Dục Vương để bảo tám vạn Đại sĩ”. “Nhân” là căn cứ vào để truyền đạt, muốn đem

diệu pháp căn cứ vào Dược Vương mà truyền đạt khiến cho đại chúng được lãnh thọ. “Bảo với các Đại sĩ”: đều thuộc lưu thông. Chỉ vào mọi người và hỏi : “Có thấy trong đại chúng đây chăng?”: chỉ bày người trì kinh được phước.

Đức Phật còn tại thế lại có hai: 1. Từ “Phật bảo Dược Vương” trở xuống, là chọn lựa ra loại người. 2. Từ “đều ở trước Phật” trở xuống, là chọn lựa đưa ra người có duyên được thọ ký. “Nhiều loại như thế ở trước Phật” là chúng đương cơ diệu ngộ, là chúng đa văn hiểu sâu gồm 2500 vị, đều đã hiện tiền được Phật thọ ký chung riêng xong. Đây loại được lựa chọn, hoặc là loại Bát bộ, hoặc là loại tứ chúng Tam thừa, đều ngồi trong hội Pháp Hoa. “Đều ở trước Phật” là nêu thời tiết gặp Phật tại pháp hội. “Một câu một kệ” là nghe pháp rất ít. “Cho đến một niệm” là thời gian rất ngắn. “Ta đều thọ ký sẽ đắc đạo Bồ-đề”: chúng kia nghe pháp rất ít, có công tùy hỷ trong thời gian rất ngắn, thì cuối cùng đều đắc Phật quả, hưởng chi được nghe đầy đủ suốt đời thọ trì, năm thứ lưu thông, ba nghiệp cúng dường... “Nghe một câu một bài kệ” là loại nghe ít hiểu cạn, nay đều thọ ký, ít mà còn thọ ký hưởng là nghe nhiều hiểu sâu. Do ít hưởng chi nhiều rộng khắp như đây. Vòng sau đã như vậy, thì vòng giữa và vòng trước cũng vậy, có thể dùng ý mà hiểu không cần phải nói lại. Kinh Kiến Thực Tam-muội: “Riêng thọ ký cho Tứ thiên vương đồng tên Hoả Trì, Tam thập tam thiên đồng tên Nhân-đà-la Tràng Vương, Câu-dực đồng tên là Vô Trước. Diêm thiên đồng tên Tịnh Trí, Đâu-suất đồng tên Thích Pháp Vương. Hai cõi trời trên cũng thọ ký chung, không hiển rõ tên riêng, Phạm Thiên tên là Đại Trí Lực”. Đó là hạng nghe nhiều hiểu sâu. Đây thọ ký cho hạng nghe ít hiểu cạn. Xưa nói: “Bích-chi-phật, Bồ-tát không được thọ ký” Văn này nói tam thừa đều được thọ ký, không cần nghi ngờ.

“Một bài kệ một câu”: Tăng Nhất Tập nói: Tùy chọn kệ cốt yếu trong kinh như loại tứ đế. Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa nói: Ác tiện gọi là “chán”, không cầu mong gọi là “không muốn”, tâm vô cấu gọi là “giải thoát”, bỏ gánh nặng xuống gọi là “Niết-bàn”, ác tiện đối với Tập, không cầu đối với Khổ, vô cấu là Đạo, bỏ gánh xuống là Diệt. Lại nói: Phật dạy Mãn Túc, Ta có bốn câu là nói Tứ đế Tứ niệm xứ... Theo Quán tâm: Dùng mỗi một câu dùng mỗi một kệ, không câu không kệ mà không phải một... Nếu chọn câu chủ yếu về khai thị ngộ nhập trong tích môn, thì như là : “Ngồi xe báu này dạo chơi khắp bốn phương”, “Bốn an lạc hạnh khuyến phát bốn ý” v.v...

“Nhất niệm tùy hỷ”: Tự chưa có hành, chỉ tùy hỷ pháp và người,

mà công báo đáp còn nhiều, hướng chi hành đạt đến! Tâm tùy hỷ có hai: Nếu nghe khai quyền hiển thật, thì trong tâm nhất niệm, hiểu sâu lý phi quyền phi thật, tin tri kiến Phật. Lại, có thể hiểu cả hai Quyền Thật sự lý viên dung. Tuy đầy đủ phiền não tánh mà năng biết tạng bí mật của Như Lai. Đây là luận về tùy hỷ theo chiều dọc. Lại, nếu nghe ý khai quyền hiển thật, thì đối với nhất tâm, rộng hiểu là hết thấy tâm và tất cả pháp đều là Phật pháp, không có chướng ngại, Nếu muốn phân biệt, thì biện thuyết không cùng, có thể một tháng, bốn tháng, một năm xoay quanh cũng chưa hết. Tuy chưa đắc chân thật mà tâm tùy hỷ có thể hiểu như đây. Pháp đã như thế, người cũng như thế. Đây là căn cứ theo chiều ngang luận về tùy hỷ, tức ngang mà dọc, tức dọc mà ngang. Cho nên Đại kinh nói : “Thà nguyện nghe ít, hiểu nhiều”, nghĩa vị tức là ý đây vậy, sau sẽ lại nói.

Từ “Phật bảo Dược Vương! Lại sau khi đức Như Lai diệt độ” trở xuống, là nêu đệ tử sau khi Phật diệt độ, cũng chia làm hai: Thứ nhất, nêu loại đệ tử, lược nêu đối với người, theo như trên có thể biết. Thứ hai, từ “ta cũng thọ ký” trở xuống, công báo như trước đã giải thích.

Từ “Nếu lại có người” trở xuống, là phần thứ hai: Sư môn, có văn trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có hai: Trước biệt, sau tổng. Biệt: người, bàn về hạng thượng hạ, thời hiện tại và vị lai. Tổng: không bàn về thượng hạ và hiện tại vị lai, mà nêu chung nghịch đắc tội, thuận được phước. Phần Biệt lại có hai: 1. Hiện đời. 2. Đời sau. Phần Hiện đời lại có hai: Một: Hạ phẩm Sư. Hai: Thượng phẩm Sư. Phần Hạ phẩm Sư lại có hai: Một: Tướng của Sư. Hai: Công báo của Sư.

Tướng của Sư: năm hạng pháp Sư, mười thứ cúng dường.

Từ “Dược Vương nên biết! Các người như trên đã từng cúng dường” trở xuống, nêu Công báo của hạ phẩm Sư. “Từng cúng dường” là nhân đời trước sâu, “vì thương chúng sinh mà sinh vào nhân gian” là đời nay công lớn. Từ “Nếu có người hỏi” trở xuống, nêu báo trọng ở đời vị lai.

Từ “Hướng lại là người hết sức thọ trì” trở xuống, nêu Thượng phẩm Sư, cũng có hai: Thứ nhất, so sánh, nêu Tướng của thượng phẩm Sư. Từ “Dược Vương nên biết! Người đó tự bỏ nghiệp báo thanh tịnh” trở xuống, nêu Công báo của thượng phẩm Sư. Từ “Nếu người thiện nam tử, thiện nữ nhơn, sau khi ta diệt độ có thể riêng vì một người nói kinh Pháp Hoa” trở xuống, nêu Sư sau khi Phật diệt độ, cũng có hạ phẩm, thượng phẩm. Hạ phẩm cũng có hai: 1. Trước nêu ra người hạ phẩm, tức là chỉ được ý kia theo chiều dọc, có trí tuệ mà vô văn, chỉ

kham nói riêng, chưa thể nói trước chúng, cho nên gọi là Hạ phẩm Sư. “Riêng vì một người nói một câu”: tuy được hiểu một câu, nhưng đã không nghe rộng học nhiều các nghĩa khác, cho nên không thể ở trong chúng mà nói. Hết thấy nạn vấn có chỗ không thông, thì khiến chánh lý không được tuyên bày rộng. Như Thích luận nói: Rõ ràng người có trí tuệ mà vô văn, ví như mưa nhỏ không có sấm, nếu muốn trình bày một câu kinh này chánh ngôn, thì phải riêng nói mà thôi! “Phải biết người ấy là sứ giả của Như Lai”: là nêu rõ Công báo của hạ phẩm Sư. Kinh thì từ Như trí thuyết, thuyết về Như lý. Ngày nay hành nhân nương giáo Như này mà tuyên thuyết Như lý, tức là “sứ giả của Như Lai”. “Làm việc của Như Lai”: Như trí chiếu như lý là “sự” (việc). Ngày nay hành nhân nương giáo Như mà hành lý Như, tức là làm việc của Như Lai. Nhất Như trí nhất Như lý hóa độ chúng sinh tức là “sư”. Ngày nay hành nhân có tâm Đại bi, đem lý chân như trong kinh này, vì chúng sinh mà thuyết, khiến họ được lợi ích, cũng gọi là “làm việc của Như Lai”.

Giải thích theo Quán tâm : “Sứ giả của Như Lai”: Trí tâm quán cảnh, cảnh tức chân như, cảnh đến phát sinh trí, trí là sứ giả của Như Lai. “Như Lai sở khiển”: Quán trí từ trong “Như” đến. “Làm việc Như Lai”: Có kinh nghiệm với tất cả pháp đều là chân như, chân như tức Phật sự.

Từ “Huống là ở trong Đại chúng” trở xuống: là thượng phẩm Sư, lược không nêu Công báo, ý đây có thể biết.

Từ “Nếu có người ác” trở xuống, là tổng nêu năm hạng Pháp sư: Nghịch thì đắc tội, thuận thì được phước. Trong đây tội phước không luận về phước điền có tốt, xấu; mà chỉ căn cứ tâm từ đầu đến sau để rõ sự khinh, trọng. Người sơ tâm học đạo bởi vì còn đủ thứ phiền não, nếu thêm chướng ngại thì họ sẽ phế bỏ việc làm và học, cho nên đắc “tội nặng”. Phật thì bình đẳng, việc ác không hề hấn gì, há có thể làm chướng ngại, cho nên nói “tội nhẹ”. Cúng dường cũng như vậy. Người đó còn trong phân biệt đối đãi, nếu được cúng dường, thì sự tu thành tựu cho nên người bố thí được phước thù thắng. Đức Phật thì đã dứt đối đãi, các sự đầy đủ, mặc dù hiến cúng mà Phật không thêm lợi ích, cho nên nói báo kém. Ví như Vương tử trong thời có nạn đói khát mà cúng dường những thứ cần dùng cho đức Phật, thì công đức kia rất lớn. Nếu hủy báng Vương tử kia thì tội chẳng nhẹ, cho nên tội phước đều nặng. Nếu có người hiến cúng y thực cho đại vương làm việc trọng yếu hoặc vi tế, thì ông muốn xâm tổn người đó cũng không thể đến làm tổn hại được, cho nên tội phước đều nhẹ.

Từ “Được Vương” trở xuống, nêu “đọc tụng” như “trang nghiêm của Phật” tức là thuận thì được phước, Phật dùng định tuệ để trang nghiêm, “người đó” có thể tu định tuệ. “Gánh được cái gánh trên vai Như Lai” tại lưng là “mang”, tại vai là “gánh”. Tu cái thể của pháp thân chẳng Quyền chẳng Thật là “mang được cái mà Như Lai mang trên lưng”. Dùng được hai trí năng Quyền năng Thật, tức là “gánh được cái mà Như Lai gánh trên vai”. “Người đó đến đâu mọi người nên hướng theo làm lễ”, trên nêu coi pháp là thầy (Sư), nay nêu kham làm thầy của chúng sinh. Người ấy có thú hướng đều cùng thật tướng tương ứng, đều đáng kính thuận. Thuận tức là hướng theo, kính tức là làm lễ. Kính và thuận cho đến khởi việc cúng dường...

Kệ có mười sáu hàng chia làm ba: 1. Hai hàng đầu, không tụng văn trường hàng, riêng nêu khuyên tự hành và lợi tha. 2. Mười ba hàng, tụng Sư môn, ý riêng và chung bên trên. 3. Một hàng, tán thán kinh. Trong phần tụng Sư môn biệt tổng lại có hai: 1. Bảy hàng tụng Biệt. 2. Sáu hàng tụng Tổng.

Biệt môn bên trên có hiện tại và vị lai. Đây bốn hàng đầu, tụng hiện tại ; ba hàng sau, tụng vị lai. Hiện tại vị lai, mỗi Sư bên trên đều có thượng hạ.

Đây nói về Biệt môn, từ “Nếu người hay thọ trì” trở xuống, một hàng tụng hạ phẩm, trong đó nửa hàng trên nêu pháp sư. “Nên biết là sứ Phật”... nửa hàng, nêu công báo. Từ “Những người hay thọ trì” trở xuống, ba hàng: tụng hiện tại thượng phẩm Sư, trong đó nửa hàng đầu nêu thượng phẩm Sư. “Xả bỏ cõi thanh tịnh” trở xuống, hai hàng rưỡi: tụng công báo. Từ “Đời ác, sau ta diệt” trở xuống, ba hàng: tụng vị lai, trong đó hai hàng đầu tụng vượt qua phần so sánh nêu ra thượng phẩm, chia làm hai: Một: nửa hàng đầu: tụng pháp Sư. Hai : từ “Phải chấp tay kính lễ” trở xuống, một hàng rưỡi: nêu công báo. Trong trường hàng vốn thiếu công báo, nay kệ thì có. Từ “Nếu người ở đời sau” xuống một hàng, tụng hạ phẩm Sư. Trong đó, nửa hàng đầu nêu người, nửa hàng sau tụng công báo.

Từ “Nếu ở trong một kiếp” trở xuống, sáu hàng tổng tụng Tổng môn bên trên, chia làm hai: 1. Hai hàng, tụng người nghịch đắc tội. 2. Từ “Có người cầu Phật đạo” trở xuống, bốn hàng, tụng người thuận được phước.

Từ “Được Vương! Nay bảo ông” trở xuống, một hàng, tán thán kinh tôn quý vi diệu.

Từ “Lúc bấy giờ đức Phật lại bảo ngài Được Vương” tán thán

pháp sở trì và phương pháp hoằng kinh. Pháp sở trì là tự tuân theo phép tắc, phương pháp hoằng kinh là phép tắc cho người. Có Trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có hai: 1. Tán thán kinh pháp. 2. Phương pháp hoằng Kinh.

Tán thán chia làm năm: 1. Tán thán pháp cũng cách lượng tán thán. 2. Tán thán người. 3. Tán thán xứ. 4. Nhân tán thán. 5. Tán thán quả. Pháp vi diệu cho nên người quý, người quý cho nên xứ tôn kính, xứ tôn kính cho nên nhân tròn đầy, nhân tròn đầy nên quả cùng cực.

Tán thán pháp: “Trong vô lượng kinh điển mà ta đã nói, hiện nói, và sẽ nói, thì kinh này rất là khó tin khó hiểu”. Có Sư giải thích rằng: “Đã nói” là Bát-nhã, “sẽ nói” là Niết-bàn, trước Pháp Hoa thì Tiểu Đại cách nhau, Pháp Hoa về sau thì đã được hội giống nhau. Kinh này chính là bắt đầu hội tam, bắt đầu qui nhất, cho nên nói đệ nhất. Kinh tán thán rằng Pháp Hoa ở ngoài “đã, hiện, sẽ”. Sư ấy thiếu một chi tiết. Nay ban đầu nói “đã”: các thuyết tiệm đốn từ kinh Đại phẩm về trước. “Hiện”: Đồng trong một pháp hội, nghĩa là Kinh Vô lượng Nghĩa. “Sẽ”: các kinh Niết-bàn. Đại Phẩm... tiệm đốn, đều mang phương tiện, dễ tin. Nay đây Vô lượng nghĩa, một sinh vô lượng, vô lượng chưa trở lại một, thì cũng dễ tin. Ở đây Pháp Hoa, luận về pháp thì hết thấy pháp sai biệt dung thông quy về một pháp, luận về người thì thấy trò bản tích đều lâu xa. Hai môn đều ngược lại với xưa, cho nên “khó tin, khó hiểu”. Ngay sự khó hàng đầu đó, nói Kinh Pháp Hoa rồi sau mới thuyết Niết-bàn, thì dễ có thể tin. “Tạng bí yếu”: Ẩn mật mà không thuyết gọi là “bí”, tổng quát tất cả gọi là “yếu”, chân như thật tướng bao hàm ẩn chứa gọi là “tạng”. “Không thể phân bố”: Pháp vi diệu khó tin, chỉ nên trao truyền cho người có trí tuệ. Nếu trao cho hạng vô trí, thì càng thêm tội, cho nên không thể vọng thuyết. “Từ xưa đến nay chưa từng hiển thuyết”: Trong thời Tam tạng không nói Nhị thừa thành Phật cũng không nêu thầy trò bản tích. Thời Phương Đẳng Bát-nhã tuy nói ẩn chứa thật tướng cũng không nói Ngũ thừa làm Phật, cũng chưa phát Tích hiển Bản. Các kinh đốn tiệm đều chưa dung hợp, cho nên gọi là bí. Kinh này thuyết đủ bí pháp xưa, tức là khai bí mật tạng, cũng chính là bí mật tạng, bí mật như đây chưa từng thuyết bày. “Khi Như Lai đang ở đời, vẫn có nhiều kẻ oán ghét”: Hơn bốn mươi năm không thể thuyết, nay tuy muốn thuyết mà năm ngàn người bèn thoái lui. Đức Phật đang hiện đời mà còn như vậy huống chi đời vị lai, theo lý rất khó giáo hóa.

Từ “Sau khi Như Lai diệt độ, người nào có thể biên chép thọ trì” trở xuống: Tán thán người. Pháp này tại người, thì người tôn quý. “Như

Lai lấy y trùm cho”: tu học đại nhân là y, như văn bên trên nói : “Như Lai trang nghiêm”. “Được chư Phật hộ niệm” : thật tướng làm Phật, thật trí làm con, tôn sùng thật tướng, phát sinh thật trí, tức “được chư Phật hộ niệm”. Tứ tín làm “tín lực”, Tứ hồng làm “nguyện lực”, đại trí làm “thiện căn lực”. Tín thì tin lý, lý tức Pháp thân. Chí nguyện là lập hạnh, hạnh tức giải thoát. “Thiện căn”: căn kiên cố, khó chuyển động, đây tức Bát-nhã, phải biết Tam lực tức là Tam đức là bí mật tạng. Hàng sơ tâm nhờ vào đây mà cùng Phật không khác, cho nên nói: “cùng Như Lai ở chung”. Lại, tín lực tu Tất cánh Không Như Lai trí. Như Lai nương Tất cánh Không làm nhà, người này tín lực cũng học Tất cánh Không, cho nên “cùng Như Lai ở chung”. “Được Như Lai lấy tay xoa đầu”: Người này dùng nguyện lực thiện lực tự hành quyền thật, coi đó là cơ cảm, cơ cảm gọi là “đầu”, Như Lai dùng hóa tha quyền thật nhị trí gọi là “tay”. Khai phát người trước tự hành quyền thật tức là “đầu”, cảm ứng đạo giao cho nên nói “xoa đầu”. Xoa đầu tức thọ ký vậy.

Từ “Nơi nơi chốn chốn” trở xuống: Tán thán xứ: Pháp này ở nơi nào, tức nơi ấy tôn quý. Những nơi Phật đản sinh, đắc đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn và cả nơi Pháp vương du hóa đều nên xây tháp. “Kinh này” là nơi Pháp thân sinh trưởng, nơi đạo tràng đắc đạo, là thể chính của pháp luân, là chứa đựng đại Niết-bàn, cho nên nói “chỗ có quyền kinh này đều nên xây tháp cúng dường”. “Chẳng cần để xá lợi”: Thích luận nói: “Xương vụn là sinh thân xá-lợi, kinh quyển là pháp thân xá-lợi”. Không cần để lại sinh thân xá-lợi. Sinh thân và Pháp thân đều có xá-lợi toàn vẹn (toàn thân) và vụn nhỏ (toái thân), có thể hiểu.

Từ “Nếu có người xuất gia” trở xuống: Tán thán nhân. “Chưa khéo hành đạo Bồ-tát”: Hành theo ba giáo trước, tức là Pháp thân xá-lợi toái thân, chưa có thể khéo độ. Nếu nhập Viên giáo tức là xá-lợi toàn thân thì khéo độ. Khéo độ là “khéo hành”.

Từ “Có chúng sinh nào” trở xuống: Tán thán quả. Văn chia làm năm phần: 1. Nêu quả gần. 2. Khai thí. 3. Hợp thí. 4. Giải thích gần. 5. Nêu cái sai.

Nêu quả gần: “Nên biết người đó được gần đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác”. Trong phẩm An Lạc Hạnh gọi là “Cận xứ”, đây là quả Bồ-đề. Phật trí Phật nhân tri kiến xứ làm thể thì có hai thứ: 1. Sơ tâm Bồ-đề. 2. Hậu tâm Bồ-đề. Đây nói “gần”, chính là gần Sơ trụ Bồ-đề. Lại, hưởng về Viên quả mà tu Viên nhân, đắc tướng tự giải thoát, gọi đó là “gần”. Trong phần Tán thán nhân bên trên, là tu Thông Biệt nhân, tức là “chưa khéo”, thì cách xa Viên quả. Nếu tu Viên nhân, tức

là “Khéo hành”, thì cách gặt Viên quả. Đây dùng Viên như thật trí làm nhân, rồi lại dùng làm quả. Chân như Đạo tiền, tức là chánh nhân. Chân như Đạo trung, tức là duyên nhân, cũng gọi là liễu nhân. Chân như Đạo hậu, tức là viên quả. Cho nên, kinh Phổ Hiền Quán nói: “Nhân Đại thừa tức là thực tướng, quả Đại thừa cũng là thực tướng”. Thích luận nói: “Bắt đầu quán thực tướng gọi là nhân, quán xong gọi là quả”. Luận theo lý, thì chân như thực tướng không có nhân quả hiện tại, cũng không có trước sau. Nếu căn cứ chúng sinh tu hành, thì có trước sau và nhân quả.

Từ “Thí như có người” trở xuống: là phần hai: Khai thí. Có hai cách giải thích: 1. Theo Quán môn. 2. Theo Giáo môn.

1. *Giải thích theo Quán môn*: Tâm chúng sinh đầy đủ các phiền não, gọi là “cao nguyên” (gò cao), tu tập quán trí gọi là “khoét đào”; mới chứng vị lý, ví như được nước trong. Theo Thông quán: Can tuệ địa như “đất khô”, tánh địa như “đất bùn ướt”, Kiến đế là được nước trong. Theo Biệt quán: từ Giả nhập Không, chỉ thấy Không mà chẳng thấy bất Không, đoạn Tứ trụ như “đào đất khô cách nước còn xa”. Từ Không xuất Giả, trước biết chẳng phải Giả, nay biết chẳng phải Không. Do hai phép quán này mà được nhập Trung đạo. Năng hàng phục vô minh thì ví như “Chuyển sang thấy đất ướt”, cách nước gần. Theo Viên quán: trung đạo phi Không phi Giả mà chiếu Không, Giả ví như như “dẫn đến bùn”, tức Tứ trụ đã tận, vô minh đã hàng phục, đã đắc Trung đạo, tương tự viên giải, cho nên nói “như bùn”. Nếu nhập Sơ trụ, phát khởi chân tánh sẵn có của chính mình, hiểu biết Trung đạo, thì phá vô minh ví như bùn được lắng lóng cho trong, được thấy Trung đạo thì ví như “thấy nước trong”. Pháp Hoa luận nói: “Nước Phật tánh phải biết thứ lớp”.

2. *Giải thích theo Giáo môn*: “Đất” dụ cho Kinh giáo, “nước” dụ Trung đạo, giáo giải thích Trung đạo, ví như “đất bùn chứa nước”. Tam tạng giáo môn chưa giải thích Trung đạo, ví như “đất khô”. Phương Đẳng Bát-nhã nương nơi phương tiện thuyết nghĩa Trung đạo, ví như “thấy đất ướt”. Pháp Hoa giáo chánh trực hiển lộ thuyết Vô thượng đạo, ví như “thấy bùn”. Do giáo Pháp Hoa mà sinh Văn Tư Tu, tức ngộ Trung đạo, thật sự thấy Phật tánh. Trí tuệ chân thật phát sinh không còn dựa vào văn, ví như thâu hoạch nước trong, không còn tương đất. Cho nên, kinh Hoa Nghiêm nói: “Hàng Thập trụ Bồ-tát có tuệ thân, không do người khác mà ngộ”. Có người nói: “Sơ giáo như gò cao đất khô, Đại Phẩm như đất ướt, Pháp Hoa như bùn, Phật quả như nước”. Có người nói: “Các kinh Duy-Ma Tư-Ích như đất khô, Vô Lượng Nghĩa như đất

ướt, Pháp Hoa như bùn, Phật quả như nước”. Có người nói: “Đại Phẩm như đất khô, Vô Lượng Nghĩa như đất ướt, Pháp Hoa như bùn, Phật quả như nước”. Cả ba kinh gia này đều có nói ngữ thời. Sinh sư nói: “Thọ trì Pháp Hoa cầu Phật đạo, muốn được thì phải như người khát nước tìm nước. Tam thừa thì đối với Nhất thừa khó tin, nơi Pháp Hoa cầu tìm hiểu thì ví như “gò cao”, thọ trì đọc tụng ví như “đào”, chưa thể như nghe mà hiểu, vì chưa nghe nên như “đất khô”, năng hiểu ví như “đến đất bùn”; đồng với các nhà chú thích kinh. Có người nói: “Đây một giải thích cách xa Phật, một giải thích cách gần Phật”.

Vị sư đầu tiên trong ba kinh gia trên, thì nêu các giáo cách Phật xa, Pháp Hoa cách Phật gần; hai giải thích sau thì chỉ trong Pháp Hoa luận xa gần. Dựa vào kinh ứng với hai nghĩa: 1. Nêu kinh khác Pháp Hoa để nói xa gần. 2. Căn cứ Pháp Hoa mà luận xa gần. Các sư lầm ý chỉ kinh.

Hỏi: Kinh khác vì sao cách Phật xa?

Đáp: Vì chưa khai quyền, người cầu Phật chưa quyết định. Pháp Hoa chỉ có một, không có ba, vĩnh viễn vượt ngoài thoái tâm, cho nên cách Phật gần. Văn nói: “Quyết định rõ ràng pháp Thanh văn”.

Hỏi: Kinh Bát-nhã vì sao cách Phật xa?

Đáp: Chưa trừ bỏ giới hạn của pháp Quyền, thì xa; mới hành Bồ-tát, không biết Bát-nhã bí mật giáo hóa giao phó tài vật, thì đối với kia là xa.

Xét rằng Phương tiện Bát-nhã và Thật tuệ Bát-nhã là phụ mẫu pháp thân của Phật ba đời. Người cầu Phật ví như người già bệnh, nếu được cả hai phò trợ mạnh thì có thể đi xa khắp, nên biết Bát-nhã rất thù thắng. Pháp Hoa khai Quyền không khác Bát-nhã hiển Thật. Chẳng phải ngoài Bát-nhã mà riêng có Pháp Hoa. Pháp Hoa là tên khác của Bát-nhã đó thôi! Do vì các sư giải thích khác, cho nên ghi chép ra.

Từ “Bồ-tát cũng lại như thế” trở xuống, là phần ba: Hợp thí. Ở trong Pháp Hoa, thấu hoạch Văn Tư’ Tu tức là Viên quán Tam tuệ, thì mới có thể gần quả; chẳng phải Văn Tư Tu khô ướt... trong các giáo.

Từ “Vì sao vậy?” trở xuống, là phần bốn: Giải thích ý được gần. “Hết thấy Bồ-tát”: các nhân Quyền. “Tam Bồ-đề”: hết thấy quả Quyền. Nhân Quyền quả Quyền đều nhiếp thuộc kinh này, ví như đất khô đất ướt đều y nơi nước, cho nên nói thuộc về. “Khai phương tiện môn, thị chân thật tướng”: Ngài Quang Trạch nói: “Xưa vào thời Lộc Uyển, vì căn cơ lẫn lộn cho nên thuyết đủ Tam tạng mà chưa nêu Nhất lý, bấy giờ dùng Quyền mà ẩn Thật. Nhất lý bị Quyền giáo làm bế tắc. Nay tại

thành Vương xá thuyết pháp cho Đại căn cơ, tức hiển bày pháp chân thật. Chân thật đã hiển bày thì trừ bỏ giáo xưa. Giáo xưa bị bỏ, cho nên phương tiện môn khai. Nhất lý đã lộ rõ, thì tướng chân thật hiển bày”. Theo ý riêng thì giải thích như vậy chính là phá phương tiện, không phải khai mở phương tiện! Ngài Đạo Lãng đất Hà Tây nói: “Nói thẳng ba là phương tiện, tức là mở cửa phương tiện. Xưa không nói ba là phương tiện, cho nên cửa phương tiện đóng. Nay gọi ba là phương tiện, tức chỉ bày một là chân thực”. Theo ý riêng thì kiểu giải thích này phù hợp với kinh văn. Có người giải thích: “Khai hai phương tiện Giáo Thân thị hai chân thật Giáo Thân; ba đời chư Phật chỉ có hình tiếng Quyền Thật”. Theo như khai thị này thì mười hai bộ kinh, tám vạn đại sĩ rõ ràng đều là phương tiện! Theo ý riêng thì hai sư trước dựa vào Giáo mà khai thị, người sau thêm Thân vào, đây là trộm nghĩa của ngài Long Ẩn mà làm giải thích của mình, tức trở lại là ý phá phương tiện, chẳng phải nghĩa khai!

Hỏi: Đương thể của phương tiện là môn, hay vì thông suốt thật tướng, cho nên gọi là môn?

Đáp: Theo ý riêng đều là đầy đủ cả hai nghĩa. Gọi thật tướng môn, thì có thể hiểu. Đương thể là môn, như Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm tìm học với thiện tri thức, đắc các thứ pháp môn như: tính hạt cát, quán v.v... Hai môn này đều có đóng mở: Xưa không nói ba là phương tiện, cho nên cửa kia đóng kín; nay nói ba là phương tiện, cho nên cửa kia khai mở. Xưa không nói một là chân thật, cho nên cửa chân thật đóng kín; nay nói một là chân thật, cho nên cửa chân thật khai mở. Cả hai phương tiện đều thông thật tướng, cho nên tam thừa phương tiện là nhất thừa môn. Thật tướng cũng có hai nghĩa: 1. Đương thể hư thông, cho nên gọi là “môn”, như Bất nhị môn trong kinh Tịnh Danh, Pháp giới môn trong kinh Hoa Nghiêm v.v... 2. Năng thông phương tiện làm môn. Ngài Lưu Cầu nói: “Công thông suốt chính là do “một” đều nhau, cho nên “một” là phương tiện môn. Công hiệu của sự dẫn dắt phần nhiều nương tựa vào ba, cho nên ba là chân thật tướng. Nói chẳng phải ba, thì phương tiện môn được khai mở; nói duy nhất, thì tướng chân thật được chỉ bày”.

Có người nói: Luận đủ thì có ba nghĩa: 1. Dùng ba làm phương tiện, một làm chân thật. 2. Ba và một, đều là phương tiện; không phải ba và không phải một, là chân thật. 3. Ba và một, là nhị, không phải ba không phải một, là bất nhị. Nhị và bất nhị đều là Quyền. Không phải nhị không phải bất nhị, là Thật. Ba chương này được hõ tương làm môn.

Như lấy tam làm nhất môn, thì đây là dùng Quyền để thông Thật. Nếu dùng nhất làm tam môn, thì đây là dùng Thật khởi Quyền. Cho đến nhị và bất nhị, cũng xen lẫn như vậy được, gọi là môn, cũng xen lẫn được gọi là tướng. Chỉ không được xen lẫn làm quyền thật đó thôi! Riêng cho rằng: Dùng tam làm nhất môn, thì hàng tam thừa có thông thật tướng không? Nếu không thông, thì không phải môn. Cần phải khai tam, mới được gọi là môn. Nếu khai tam, thì chẳng phải lại là tam; vì sao dùng tam làm thật tướng môn? Lại, tam chẳng phải Phật nhân, sao được gọi là thật tướng môn? Phá một nghĩa này, thì hai nghĩa còn lại theo lệ cũng bỏ đi.

Hỏi: Phương tiện và chân thật xen lẫn được làm môn; vậy thì phương tiện làm phương tiện môn, thật tướng làm thật tướng môn được chăng?

Đây có bốn câu: Hai câu đầu, như trên. Câu ba: Thật tướng làm thật tướng môn. Câu bốn: Phương tiện làm phương tiện môn. Như danh làm nghĩa môn, nghĩa làm danh môn. Do phương tiện danh mà hiển bày phương tiện nghĩa, cho nên danh làm nghĩa môn. Do phương tiện nghĩa ứng với phương tiện danh, cho nên nghĩa làm danh môn. Thật tướng cũng vậy. Tựa Trung luận nói: Thật mà không có danh thì không thể ngộ. Cho nên, ký thác trong đó để tuyên diễn việc kia.

Hỏi: Có được dùng tam hiển tam, dùng nhất hiển nhất không?

Đáp : Đây cũng có bốn câu: Hai câu như trên. Dùng tam hiển tam, tức là nói xưa tam khác với nay nhất, tam này ở ngoài nhất, nay nhất khác với tam xưa, nhất này ở ngoài tam. Cho nên, nhất không phải nhất của tam, tam không phải tam của nhất, đều là chấp kiến. Phá bệnh này, cho nên đối với nhất Phật thừa phân biệt nói thành tam. Cho nên, tam là tam của nhất. Các ông hành đạo Bồ-tát, cho nên nhất là nhất của tam. Tam nhất không khác nhau, là nghĩa nhân duyên. Dùng nhân duyên tam nhất để hiển bày tự tánh tam nhất, cũng dùng tự tánh tam nhất để hiển bày nhân duyên tam nhất. Cho nên, nói dùng tam hiển nhất, dùng nhất hiển tam. Có người dẫn mười lăm chỗ để nêu môn: Phẩm Phương Tiện có hai, phẩm Thí dụ có sáu, Phẩm Tín Giải có ba, Phẩm Hóa thành Dụ có hai, Phẩm Pháp Sư có một, Phẩm Quan Âm có một.

Phẩm Phương Tiện có hai: Trí tuệ môn, Quyền trí làm Thật trí môn. Sinh Sư nói: “Ngôn giáo làm môn, ngôn giáo thuyết Thật trí cho nên ngôn giáo là Thật trí môn”, Pháp Hoa luận đồng ý kiến này. Tiếp nói: Dùng các thứ pháp môn tuyên bày Phật đạo, đây là dùng Đại thừa giáo làm môn. Phẩm Thí Dụ có sáu: 1. Nhà kia rộng lớn chỉ có một cửa,

vẫn dùng Đại thừa giáo làm môn. 2. Nói cửa bị thiêu cháy, đây là căn cứ bờ cõi ranh giới của tam giới làm môn, như gọi nhà là môn. 3. Chỉ có một cửa mà lại hẹp nhỏ, vẫn là Đại thừa giáo làm môn. 4. Ba xe ở ngoài cửa, vẫn dùng tam giới làm môn. 5. Dùng Phật giáo môn để vượt khổ ba cõi, đây là dùng Tiểu giáo làm môn. 6. Đứng ở ngoài cửa, y Đại thừa dùng giới hạn của hai thứ sinh tử làm môn. Tiểu thừa cũng xuất ngoài tất cả phiền não, chánh sử và tập khí đã tận gọi là đứng ở ngoài cửa. Phẩm Tín Giải có ba: 1. Đứng ở bên cửa Đại thừa lý giáo làm môn. 2. Nói còn ở ngoài cửa, cũng như trên. 3. Nói Trưởng giả ở trong cửa, như trên.

Phẩm Hóa thành có hai : 1. Thỉnh khai mở cửa cam lộ, cũng là giáo môn Đại, Tiểu. Nhiều lớp cửa, lầu gác cao, cũng dùng Tiểu thừa tam không môn. 2. Phương tiện môn, giải thích như trên. Phẩm Quán Âm, cũng dùng Đại thừa làm môn. Nay giải thích “khai phương tiện môn”: Những điều xưa đã không nói, thì nay đều nói. Xưa nói sự sinh hoạt hàng ngày và nghề nghiệp sinh nhai của tất cả thế gian, có bao giờ là phương tiện đâu? Nay đều khai đó chính là thật tướng, không chống trái nhau. Xưa nói Tiểu thừa phương tiện như Tiểu thừa quả. Tiểu thừa quả mà còn chẳng phải Thật tướng môn, hướng chi Tiểu phương tiện mà sẽ là môn! Nay đều khai đó chính là thật tướng. Việc các ông làm là đạo Bồ-tát, quyết định bỏ pháp Thanh văn, là vua của các kinh.

Xưa nói Nhị thừa là phương tiện môn. Nay đều khai đó chính là thật tướng, đâu là môn nữa, đều khiến cho chúng sinh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. Nhất sắc nhất hương thấy đều là Phật pháp. Hoặc môn hoặc phi môn, thấy đều khai nó để thị tướng chân thật, hiển bày nước Phật tánh. Nếu không khai nó, thì “sâu xa kiên cố thâm diệu không người nào đạt đến được”, mà nay khai nó thì được thấy nước, không phải đất khô.

Lại giải thích theo Tam tuệ thì “tất cả đều thuộc kinh này”, tức Viên Văn tuệ. “Kinh này khai phương tiện” tức Viên Tư tuệ. “Thị chân thật tướng” tức Viên Tu tuệ. Ba thứ này sâu xa mâu nhiệm, đức Phật nay khai thị liền được thấy chân thật.

Từ “Được Vương! Nếu Bồ-tát nào nghe kinh Pháp Hoa” trở xuống là phần năm: Nêu cái sai: “Nếu Bồ-tát nghe thuyết kinh này mà kinh nghi sợ sệt,... Thanh văn tăng thượng mạn”, đều là “đất khô”, còn chẳng phải đất ướt, hướng chi là thấy được nước ư !?

Từ “Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhơn nào, sau khi đức Như Lai diệt độ” trở xuống, là lược nêu phương pháp hoằng kinh, lại chia làm

hai: 1. Phương pháp. 2. Lợi ích.

Phương pháp lại chia làm ba: 1. Nêu chương môn. 2. Giải thích. 3. Khuyên tu. Tu “nhà Như Lai là đại từ bi”: Nếu căn cứ đồng thể tức Pháp thân. Nếu căn cứ chúng sinh được gia bị tức Giải thoát, năng khiến cho chúng sinh hợp với đồng thể tức là Bát-nhã. Tu “y áo Như Lai”: Nếu căn cứ cái được che trùm, tức Pháp thân. Nếu căn cứ năng che trùm trang nghiêm thân, tức Tịch diệt nhãn. Nếu căn cứ hòa quang lợi vật, tức Giải thoát. Tu “tòa Như Lai” Nếu căn cứ năng tọa, tức Bát-nhã. Nếu căn cứ sở tọa, tức Pháp thân. Thân tòa minh xứng (xứng hợp mà mất thịt con người không thể thấy biết được) tức Giải thoát. Lại, “Đại từ” an lạc tức giúp đỡ thành tựu, “nhu hòa” là hàng phục sân, đoạn Hoặc tức quán chiếu, “ngồi tòa” tức Pháp thân. Phẩm An Lạc Hạnh lại rộng nêu ba pháp này. Văn trên nói: “trang nghiêm của Phật” tức là “áo Như Lai” Trên nói “Cống và gánh được cái gánh nặng trên lưng và vai Như Lai”, tức là “ngồi tòa Như Lai”. “Đảm” (gánh vác) tức gánh vác, vận chuyển, chính là “vào nhà Như Lai”.

Từ “Bấy giờ ta ở nước khác” trở xuống: nêu năm việc lợi ích, khuyến khích lưu thông. 1. Sai khiến hóa nhân. 2. Sai khiến hóa bốn chúng. 3. Sai khiến Bát bộ. 4. Thấy thân Phật. 5. Cùng tổng trì. Nếu hàng sơ tâm chưa thuần, thì chỉ có thể sai khiến hóa nhân, chưa thể sai hóa tứ chúng Bát bộ. Nếu thấy thiên long, thì họ bèn dựa vào đây mà tự cao ngạo, làm ngăn ngại tổn hại đạo kia, cho nên không thể để cho họ thấy, hướng chi thấy Phật. Nếu tâm không ý dựa chấp trước, thì có khả năng thấy Phật, hướng chi thấy thiên long, hướng chi đắc tổng trì tự chứng lợi ích!

Kệ có mười tám hàng rưỡi, chia làm ba: 1. Một hàng đầu, tổng khuyên, không tụng trường hàng. 2. Mười sáu hàng rưỡi, tụng trường hàng trên. 3. Một hàng kết khuyên.

Trên trong phần Tán thán quả văn chia làm năm: 1. Một hàng rưỡi đầu, tụng khai thí. 2. Từ “Được Vương! Ông nên biết” trở xuống, hai hàng rưỡi, tụng hợp thí. Lược không tụng ba thứ còn lại, cận quả, giải thích lựa, nêu cái sai. Trong phương pháp lưu thông kinh bên trên có hai: Phương pháp và Lợi ích. Nay mười hai hàng rưỡi tụng cũng chia làm hai: Thứ nhất: ba hàng rưỡi, tụng Phương pháp. Trên trong đó có ba, đây cũng tụng ba ý. Thứ hai : từ “Ta trong muôn ức cõi” trở xuống, chín hàng tụng Lợi ích: một hàng đầu tổng nêu rõ ý Như Lai dùng năm việc lợi ích, chính do ứng thân biến khắp mười phương, có thể làm năm việc giữ gìn bảo hộ người hành trì. Từ “Sau khi ta diệt độ” trở xuống,

một hàng rưỡi tụng sai khiến tứ chúng. Từ “Dẫn dắt” trở xuống, một hàng rưỡi tụng: sai người hóa. Từ “Nếu người thuyết Pháp Hoa” trở xuống, hai hàng tụng khiến đắc tổng trì. Từ “Nếu người đủ đức này” trở xuống, một hàng, tụng khiến được thấy Phật. Từ “Nếu người ở chỗ vắng” trở xuống, hai hàng tụng sai khiến Bát bộ...

